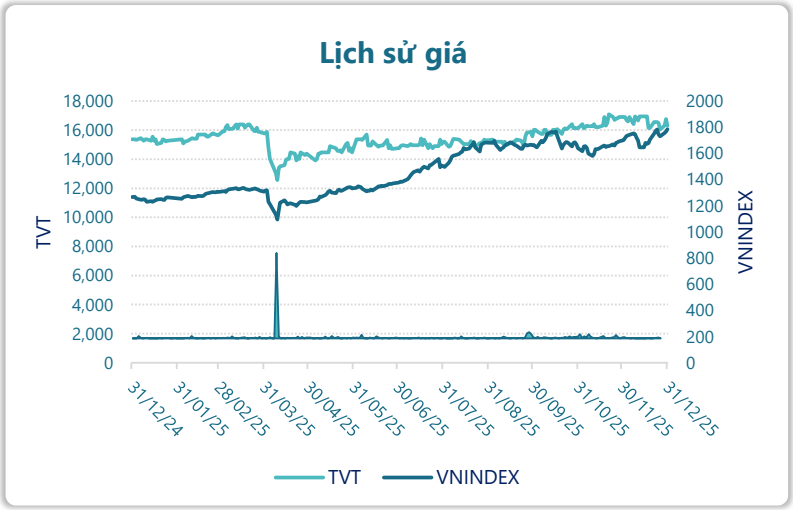
FireAnt

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (HSX: TVT)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,087
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,562
SL cổ phiếu LH	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,150
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	342
P/E	8.5
EPS	1,920

DT thuần

Q4/25

412

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00| 1.5%

YoY: ▼39.0| -8.6%

LN sau thuế

Q4/25

5.38

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.42| -57.9%

YoY: ▼7.42| -57.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.7%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

2025

1,603

tỷ VNĐ

YoY: ▼104| -6.1%

LN sau thuế

2025

36.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.8| 67.8%

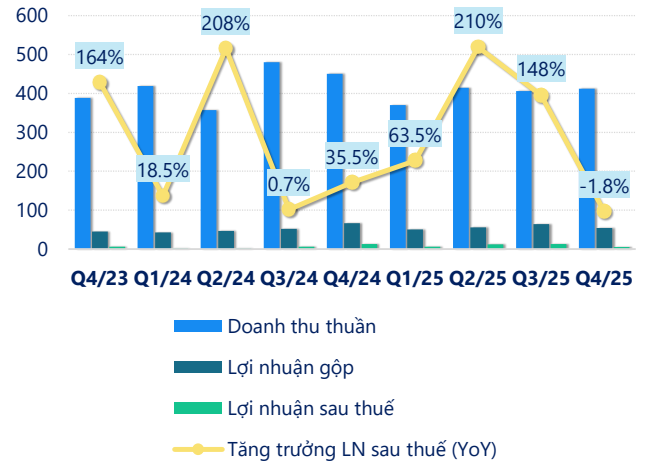
ROE

2025

7.1%

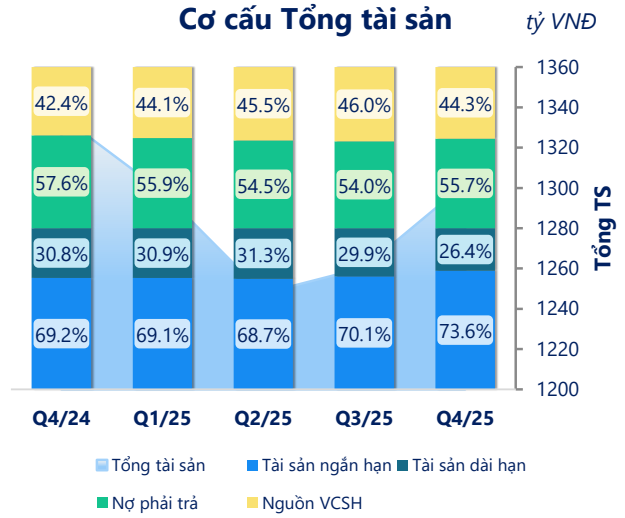
+/- YoY: ▲ 2.9%

Kết quả kinh doanh



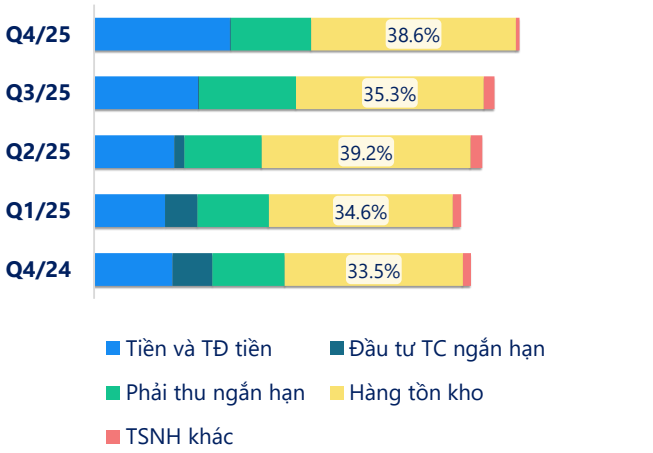
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



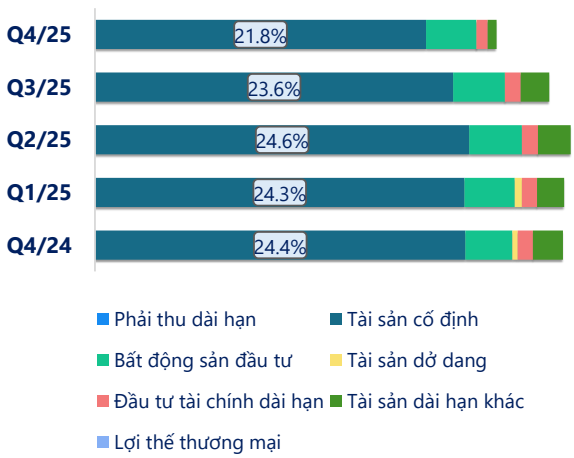
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



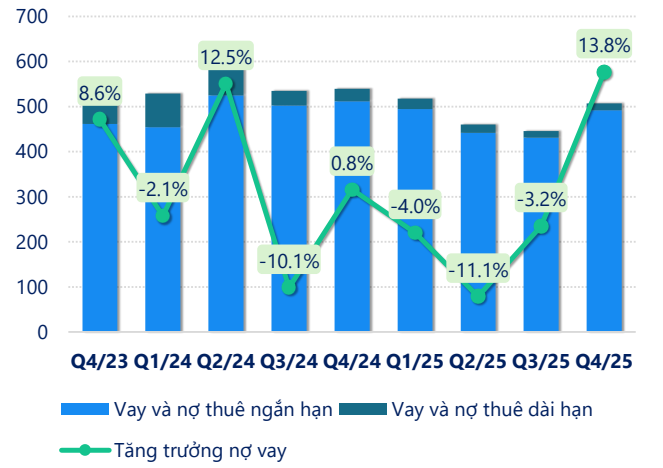
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



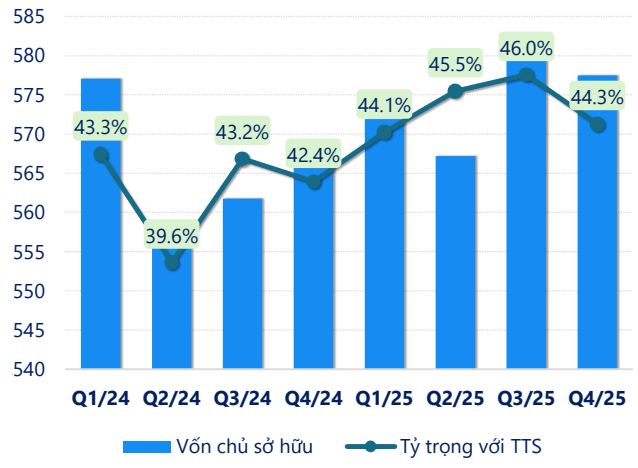
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



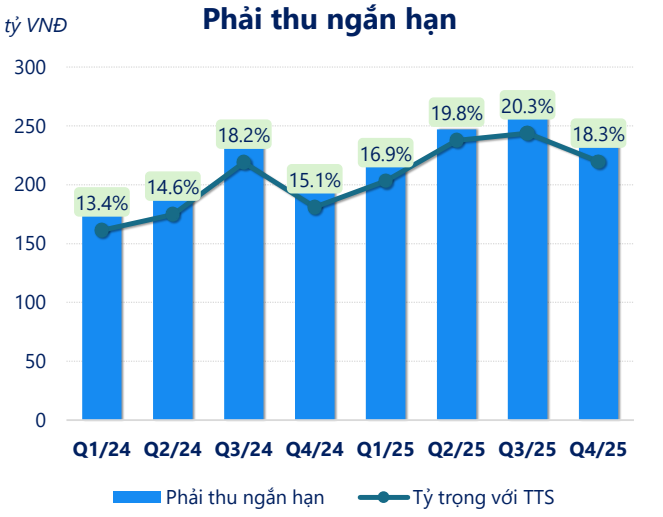
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



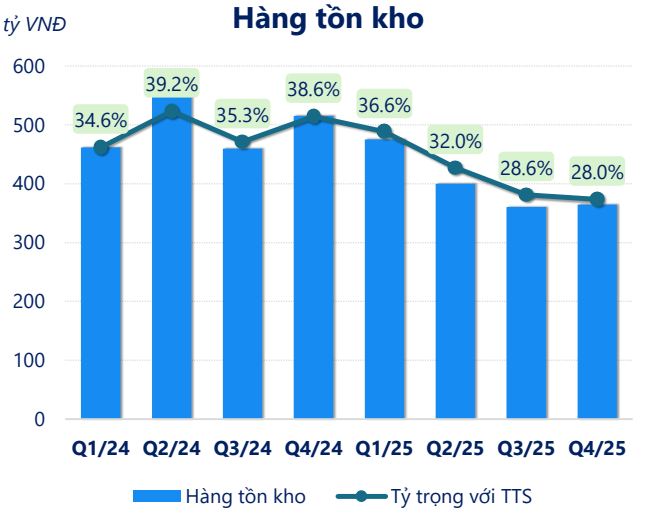
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



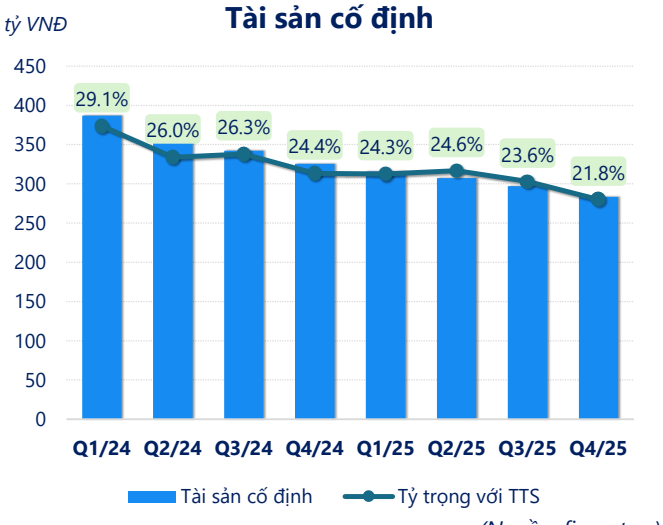
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



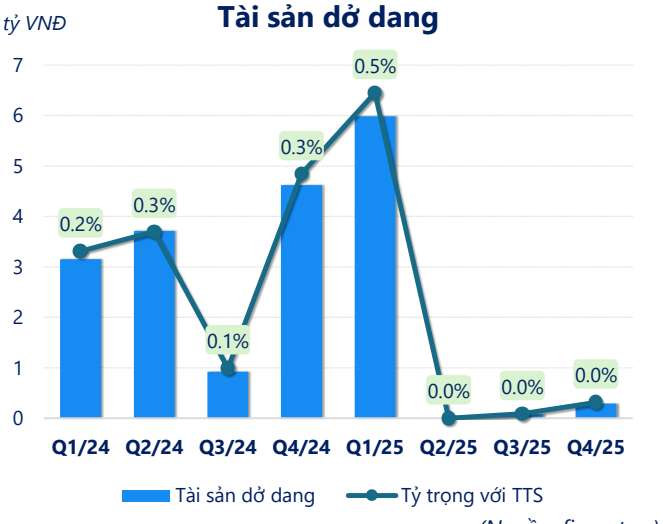
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



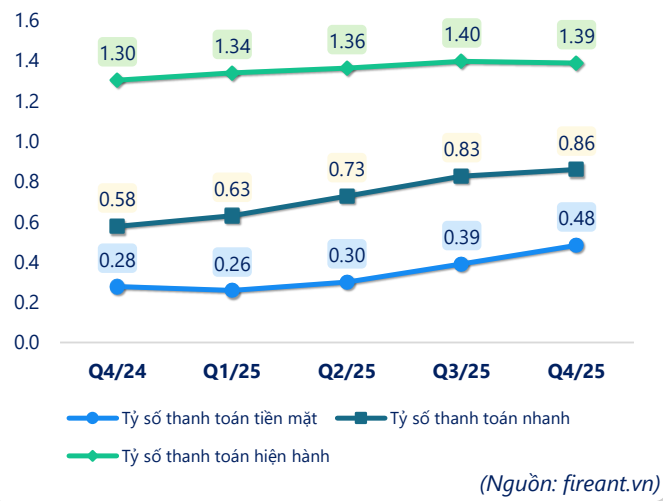
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



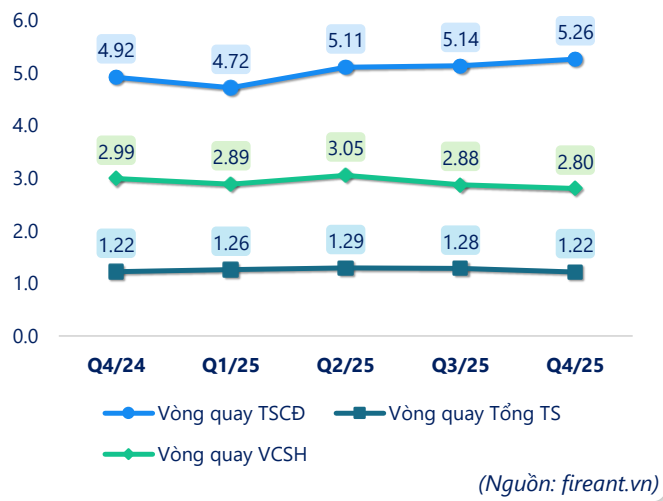
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,336**	**1,298**	**1,248**	**1,260**	**1,302**
Tài sản ngắn hạn	**924**	**897**	**857**	**884**	**958**
Tiền và tương đương tiền	197	173	188	247	333
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Phải thu ngắn hạn	201	220	247	256	238
Hàng tồn kho	515	475	400	360	365
Tài sản ngắn hạn khác	8.77	27.0	20.1	18.3	19.6
Tài sản dài hạn	**411**	**401**	**391**	**377**	**344**
Phải thu dài hạn	0.11	0.11	0.13	0.12	0.11
Tài sản cố định	326	316	307	297	284
Bất động sản đầu tư	41.3	43.1	43.3	43.0	43.1
Tài sản dở dang	4.62	5.98	0	0.08	0.29
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.0	13.0	13.1	9.43
Tài sản dài hạn khác	26.4	23.2	27.0	23.6	7.84
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**770**	**726**	**680**	**680**	**725**
Nợ ngắn hạn	**709**	**670**	**628**	**633**	**690**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	512	495	442	431	492
Phải trả người bán ngắn hạn	121	92.1	71.6	84.5	93.6
Nợ dài hạn	60.4	56.6	52.2	47.8	34.7
Vay và nợ thuê dài hạn	27.3	22.9	18.5	14.1	15.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**566**	**572**	**567**	**580**	**577**
Vốn chủ sở hữu	**566**	**572**	**567**	**580**	**577**
Vốn điều lệ	210	210	210	210	210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)